

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-PT

Ngày 08-12-2023

V/v: “*Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phúc An Hoành.

Các Thẩm phán: Ông Hồ Thanh Sơn và ông Nguyễn Đức Nam.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Nguyễn Thành Nam - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:***
Bà Ngô Thị Vỹ- Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 08 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 14/2023/TLPT-HNGĐ, ngày 02 tháng 11 năm 2023, về việc “*Tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*”.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 71/2023/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14/2023/QĐ-PT, ngày 23 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Dũng S, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thôn Kế T, xã Thiện K, huyện S, tỉnh TQ; Tạm trú, chỗ ở hiện nay: Thôn Hậu D, xã Kim Ch, huyện Đông A, thành phố Hà Nội. *Có mặt.*

2. Bị đơn: Chị Ma Thị Th, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Thôn Kế T, xã Thiện K, huyện S, tỉnh TQ; Tạm trú, chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã Kim Ch, huyện Đông A, thành phố Hà Nội. *Có mặt.*

3. Người kháng cáo: Nguyên đơn anh Lê Dũng S.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Lê Dũng S trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Ma Thị Th vào ngày 21/11/2016. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, anh chị làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Thiện K, huyện S, tỉnh TQ. Sau ngày cưới anh chị về làm ăn và chung sống tại Khu công nghiệp Thăng Long. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, do chị Th nợ nần lại còn có mối quan hệ bất chính với người đàn ông khác, chị Th bỏ nhà đi từ ngày 07/9/2022 đến nay không về nhà, không quan tâm đến gia đình, chồng con, cuộc sống chung luôn trong tình trạng căng thẳng. Vợ chồng thường xuyên cãi nhau, có lần không kiềm chế được anh có được tát chị Th. Hiện tại anh xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Ma Thị Th.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Lê Đình T, sinh ngày 21/5/2017. Hiện nay cháu T đang ở cùng anh và ông bà nội tại xã Thiện K, huyện S. Bản thân anh làm nghề lái xe taxi tại Hà Nội, thường anh đưa đón khách đi về sân bay Nội Bài; thu nhập mỗi tháng trung bình khoảng 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*). Bản thân anh có thuê trọ cách chỗ làm khoảng 10 km, thường thì 01 tuần anh về thăm con một đến hai lần, cũng có tuần bận quá thì anh không về được. Tuy nhiên bố mẹ đẻ anh còn khỏe nên vẫn giúp anh nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T được. Do vậy, anh đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu T. Nếu được giao quyền nuôi con, anh sẽ tiếp tục để cháu ở tại nhà bố mẹ tại xã Thiện K, huyện S, tỉnh TQ và nhờ bố mẹ anh nuôi dưỡng, chăm sóc cháu và anh đi về thăm con thường xuyên. Quá trình giải quyết vụ án, anh đề nghị chị Th cấp dưỡng nuôi cháu T là 2.000.000đồng/1 tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Tuy nhiên tại phiên tòa anh xác định quan điểm cuối cùng của anh là không đề nghị chị Th cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Ma Thị Th trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Lê Dũng S vào ngày 21/11/2016. Trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, vợ chồng anh chị làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Thiện K, huyện S, tỉnh TQ. Sau ngày cưới anh chị về làm ăn và chung sống tại Khu công nghiệp Thăng Long. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ngoài ra còn do anh S thường xuyên đi uống rượu say về đánh đập chị, vô cớ nghi ngờ chị có quan hệ trai gái bất chính khiến cho cuộc sống vợ chồng luôn trong tình trạng căng thẳng, thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Khoảng tháng 8 năm 2022 do tình trạng mâu thuẫn vợ chồng đã sâu sắc nên chị đi thuê trọ ở nơi khác, vợ chồng chính thức ly thân từ đó đến

nay không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế với nhau nữa. Chị xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn không thể hàn gắn nên nhất trí ly hôn với anh S.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Lê Đình T, sinh ngày 21/5/2017. Hiện nay cháu T đang ở cùng ông bà nội tại xã Thiện K, huyện S, tỉnh TQ. Khi ly hôn chị đề nghị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cháu T. Chị không đề nghị anh S cấp dưỡng nuôi con chung vì hiện tại điều kiện trực tiếp nuôi con của chị đảm bảo. Hiện tại chị đang làm cho Công ty TNHH ASAHI INTECC Hà Nội, mức lương cơ bản là gần 6.000.000đ/tháng. Ngoài ra còn có các khoản thưởng, phụ cấp. Tổng thu nhập khoảng 10.000.000đ/tháng. Bản thân chị có thuê 01 phòng trọ có diện tích 40m², thiết bị sinh hoạt (điều hòa, bình nóng lạnh, tủ lạnh...) đầy đủ, nơi ở cách nơi làm việc 02 km, cách trường tiểu học 01 km, gần bệnh viện, gần chợ... do vậy điều kiện sinh hoạt, học tập rất thuận tiện, an toàn. Bản thân anh S nếu được quyền nuôi con sẽ gửi cho bố mẹ để nuôi dưỡng chứ anh S không trực tiếp nuôi con, nghề nghiệp của anh S là lái xe taxi, đặc thù công việc thường xuyên không có giờ giấc, đi sớm về muộn, thậm chí đi làm đêm, đi xa... nên không đảm bảo việc trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Lời khai của bà Lê Thị H tại biên bản lấy lời khai ngày 17/5/2023 thể hiện: Gia đình bà có 01 dãy phòng trọ, trong đó chị Th có thuê 01 phòng diện tích 40m², giá thuê là 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng)/1 tháng. Thiết bị sinh hoạt như điều hòa, bình nóng lạnh, tủ lạnh... là tài sản do chị Th tự lắp đặt. Chi phí điện, nước thì chị Th dùng bao nhiêu thì trả bấy nhiêu. Nhà trọ nằm ở khu trung tâm đông dân cư, an ninh tốt lại gần các trường học, bệnh viện. Công việc của chị Th theo bà thấy thì chị chỉ làm việc vào ban ngày nên thời gian đưa đón con đi học hoàn toàn đảm bảo. Đối với vấn đề quan hệ nam nữ, chị Th ở đây không có điều tiếng gì, các mối quan hệ đều đàng hoàng, không có biểu hiện gì về việc chị Th có mối quan hệ bất chính.

Lời khai của ông Lê Đình Ch tại biên bản lấy lời khai ngày 17/5/2023 thể hiện: Ông là bố đẻ của anh Lê Dũng S. Chị Th và anh S kết hôn vào năm 2016. Sau ngày cưới anh chị về làm ăn, chung sống cùng gia đình ông tại Thôn Kế T, xã Thiện K, huyện S được một thời gian ngắn thì hai vợ chồng anh chị cùng nhau đi làm ăn tại Hà Nội. Thời gian đầu chung sống giữa hai anh chị hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến cãi chửi nhau. Tháng 8 năm 2022 chị Th đã bỏ nhà đi không quay về ở cùng gia đình ông nữa. Về con chung: anh chị có 01 con chung là cháu Lê Đình T, sinh năm 2017. Do bố mẹ cháu đều đi làm ăn xa nhà nên cháu T đã ở cùng gia đình ông từ khi cháu được 02 tuổi cho đến nay. Chị Th từ khi bỏ đi đến nay cũng không quay về thăm con hay gửi tiền về nuôi con. Anh S hiện nay đang làm nghề lái xe taxi tại Hà Nội thỉnh thoảng mới về nhà nên việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T là do vợ chồng ông đảm nhiệm. Việc giao nuôi con chung ông đề nghị giao cháu T cho anh S nuôi dưỡng, giáo dục.

Lời khai của bà Đặng Thị B tại biên bản lấy lời khai ngày 22/6/2023 thể hiện: Bà là mẹ đẻ của anh Lê Dũng S. Chị Th và anh S kết hôn vào năm 2016. Thời gian đầu chung sống giữa hai anh chị hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị Th hay đi qua đêm dẫn đến vợ chồng nghi ngờ nhau, ngoài ra còn do chị Th còn nợ nần nhiều. Chị Th đã bỏ đi được khoảng 13 tháng nay. Về vấn đề ly hôn bà nhất trí với quan điểm của anh S, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh S và chị Th được ly hôn. Về con chung: anh chị có 01 con chung là cháu Lê Đình T, sinh năm 2017. Cháu T vẫn ở cùng gia đình ông bà từ khi cháu được 16 tháng tuổi đến nay. Lúc cháu còn nhỏ thì hai vợ chồng, con cái thuê nhà ở Hà Nội để làm ăn sinh sống. Đến khi cháu đủ 16 tháng tuổi cai sữa thì anh chị đưa cháu về cho ông bà chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh chị đi về thăm con. Vợ chồng anh chị ly hôn bà đề nghị Tòa án giao con cho anh S vì cháu ở với ông bà từ nhỏ đến giờ. Bà năm nay 59 tuổi, chồng bà 65 tuổi. Bà xác định sức khỏe của ông bà tốt hoàn toàn đảm bảo được việc chăm sóc cháu T thay anh S và đưa đón con đi học. Anh S hiện làm nghề lái xe taxi ở Hà Nội nên cháu T sẽ ở cùng vợ chồng bà tại Thôn Kế T, xã Thiện K, huyện S, tỉnh TQ. Hộ gia đình bà hiện nay gồm hai vợ chồng bà, hai vợ chồng con trai cả là anh Lê Việt D và chị Nguyễn Thị D1, 02 con của anh D và chị D1, anh S, chị Th và cháu T. Cả nhà bà sống trong 01 căn nhà xây cấp 4, 01 tầng khoảng 60 m² tại Thôn Kế T, xã Thiện K, huyện S, tỉnh TQ.

Kết quả xác minh tại Thôn Kế T, xã Thiện K, huyện S, tỉnh TQ cho thấy: Anh Lê Dũng S và chị Ma Thị Th đều là công dân có hộ khẩu thường trú tại Thôn Kế T, xã Thiện K, huyện S, tỉnh TQ. Anh chị kết hôn vào năm 2016, sau ngày cưới anh chị về làm ăn chung sống tại Thôn Kế T, xã Thiện K, huyện S, tỉnh TQ được một thời gian ngắn thì chuyển về Hà Nội ở. Đến năm 2022 vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân thôn không nắm rõ chỉ biết hiện nay vợ chồng anh chị đã sống ly thân. Về con chung: vợ chồng anh S và chị Th có 01 con cháu là cháu Lê Đình T, sinh năm 2017. Hiện nay cháu T đang ở gia đình bố mẹ đẻ của anh S tại Thôn Kế T, xã Thiện K.

Đại diện Công ty cổ phần dịch vụ Taxi ABC cung cấp: Anh Lê Dũng S có ký hợp đồng lao động số 3827.2 ngày 18/3/2021 với Công ty cổ phần dịch vụ Taxi ABC loại hợp đồng lao động không xác định thời hạn và có hiệu lực từ ngày 18/3/2021. Chức danh chuyên môn là lái xe taxi. Địa điểm làm việc theo điều hành của phòng điều hành nhằm phục vụ nhu cầu khách hàng cụ thể trong nội, ngoại thành phố Hà Nội hoặc cũng có khi phải đi xa đến các địa phương khác. Thời gian làm việc theo đặc thù công việc của lái xe được quy định theo Điều 2: Chế độ làm việc của hợp đồng do đặc thù công việc là lái xe taxi nên nhân viên lái xe phải có nghĩa vụ chấp nhận làm việc theo ca và đi công tác xa khi công ty có yêu cầu, chấp hành tuyệt đối lệnh điều động của công ty. Về mức lương của anh Lê Dũng S là 4.750.000đồng/1 tháng. Tại giấy xác nhận lương ngày 21/3/2023 có ghi lương bảo hiểm xã hội và lương lái xe tự khai là 15.000.000đồng/1 tháng thì công ty không xác định được mức lương người lái xe tự khai, mà chỉ xác nhận mức lương cố định của anh S hàng tháng. Về chỗ ở, sinh hoạt của nhân viên lái xe taxi là tự túc, công ty không hỗ trợ.

*Kết quả xác minh tại Công ty TNHH ASAHI INTECC Hà Nội thể hiện:*Chị Ma Thị Th hiện đang là công nhân làm việc tại công ty. Thời gian làm việc của chị Th tại công ty bắt đầu từ 06 giờ sáng đến 14 giờ chiều. Trường hợp có tăng ca chỉ tăng ca đến 16 giờ chiều. Năm 2020 chị Th có ký hợp đồng lao động có xác định thời hạn với công ty. Tuy nhiên, ở thời điểm hiện tại chị Th đã ký hợp đồng không xác định thời hạn kể từ ngày 01/4/2023 trở đi. Chức vụ của chị Th là công nhân cấp B. Thời gian làm việc là 08 giờ một ngày, không quá 48 giờ/tuần.Địa điểm làm việc tại Lô G03, Khu công nghiệp TL, xã Võng L, huyện Đông A, thành phố Hà Nội. Mức lương cơ bản của chị Th là 5.792.800đ (*Năm triệu bảy trăm chín mươi hai nghìn tám trăm đồng*)/1 tháng.

Vụ án trên đã được Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang thụ lý, xác minh, thu thập chứng cứ, hòa giải nhưng không thành và đã đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 71/2023/HNGĐ-ST, ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang đã quyết định:

Áp dụng các Điều 28, 35, 39, 143, 144, 147, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 53, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Dũng S và chị Ma Thị Th.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Đình T, sinh ngày 21/5/2017 cho chị Ma Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Lê Dũng S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Anh Lê Dũng S phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002673 ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Chị Ma Thị Th không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Lê Dũng S và chị Ma Thị Th được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Ngày 15/8/2023 Tòa án nhận được đơn kháng cáo của nguyên đơn anh Lê Dũng S. Anh S kháng cáo một phần bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số

71/2023/HNGĐ-ST ngày 14/8/2023 của Tòa án nhân dân Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Anh S đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại bản án của cấp sơ thẩm và giao con chung là cháu Lê Đình T, sinh ngày 21/5/2017 cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn anh Lê Dũng S giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Anh S xác định anh có điều kiện tốt hơn chị Th trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giao con chung là cháu Lê Đình T cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Bị đơn chị Ma Thị Th xác định cấp sơ thẩm giải quyết giao con chung cháu Lê Đình T cho chị trực tiếp chăm sóc, giáo dục là hợp lý, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh S, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã thực hiện đảm bảo các thủ tục về phiên tòa phúc thẩm, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đơn kháng cáo của nguyên đơn anh Lê Dũng S là hợp lệ, trong hạn luật định, nội dung kháng cáo nằm trong nội dung bản án sơ thẩm.

Về nội dung: Xét các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nội dung kháng cáo của nguyên đơn anh Lê Dũng S không có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn anh Lê Dũng S, giữ nguyên Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 71/2023/HNGĐ-ST, ngày 14/8/2023 của Tòa án nhân dân Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Lê Dũng S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 15/8/2023, nguyên đơn anh Lê Dũng S có đơn kháng cáo một phần Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 71/2023/HNGĐ-ST, ngày 14/8/2023 của

Tòa án nhân dân Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Việc kháng cáo được thực hiện trong thời hạn luật định, quyền kháng cáo, nội dung kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó đơn kháng cáo của anh S là hợp lệ được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo của anh Lê Dũng S.

Anh Lê Dũng S kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là cháu Lê Đình T. Hội đồng xét xử thấy rằng, trong thời kỳ hôn nhân anh Lê Dũng S và chị Ma Thị Th có một con chung tên là Lê Đình T, sinh ngày 21/5/2017. Do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn về tình cảm vợ, chồng, anh S đã yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Tại phiên tòa sơ thẩm anh S, chị Th đã thuận tình ly hôn được Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn.

Về con chung, cấp sơ thẩm đã giao cháu Lê Đình T, sinh ngày 21/5/2017 cho chị Ma Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê Dũng S không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Không nhất trí bản án sơ thẩm, anh Lê Dũng S kháng cáo bản án đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung, anh S xác định anh có điều kiện tốt hơn chị Th trong việc chăm sóc, nuôi dạy con chung cháu Lê Đình T. Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyên vọng được trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn của chị Th, anh S là chính đáng; tuy nhiên việc giao con chung cho người trực tiếp nuôi dưỡng cần căn cứ vào điều kiện, môi trường công việc, khả năng thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục để con được phát triển tốt về thể lực, trí tuệ đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng trong cuộc sống được tốt nhất. Xét thấy cháu Lê Đình T còn nhỏ tuổi, cần sự chăm sóc thường xuyên của mẹ sẽ thuận lợi hơn trong cuộc sống, bảo đảm sự phát triển tốt cho con chung. Quá trình giải quyết vụ án, căn cứ điều kiện cụ thể của các bên đương sự (chị Th là công nhân lao động, làm việc tại Khu công nghiệp, làm việc trong giờ hành chính; anh S làm nghề lái xe TaXi, đặc thù công việc hay di chuyển đưa đón khách hàng), Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cháu Lê Đình T cho chị Ma Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh Lê Dũng S không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền đi lại trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là đảm bảo được về quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của con chung. Tại cấp phúc thẩm anh Lê Dũng S không cung cấp bổ sung thêm được tài liệu, chứng cứ mới, do đó không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo bản án của anh Lê Dũng S. Cần giữ nguyên bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tuyên Quang.

[3] Về án phí phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên anh anh Lê Dũng S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ

vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận nội dung kháng cáo bản án của nguyên đơn anh Lê Dũng S, giữ nguyên mục 2. Về con chung tại Quyết định của Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 71/2023/HNGĐ-ST, ngày 14/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang như sau:

Về con chung: Giao cháu Lê Đình T, sinh ngày 21 tháng 5 năm 2017 cho chị Ma Thị Th trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Lê Dũng S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Dũng S có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Lê Dũng S phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002925 ngày 22/8/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Anh S đã nộp đủ án phí.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 08/12/2023.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND Cấp cao;
- VKSND tỉnh TQ;
- TAND huyện S;
- CC THADS huyện S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phúc An Hoành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thanh Sơn

Nguyễn Đức Nam

Phúc An Hoàn